

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671005 - Thí nghiệm Hóa học đại cương

STC : 1(15,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 2

| STT | Họ và tên    |        | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|--------------|--------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |              |        |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 1   | Nguyễn Ngọc  | Hoà    | 3671030525 | 28/01/1992 |             | 8,00        | 8,00      |         |
| 2   | Nguyễn Tuấn  | Kiệt   | 3671030529 | 22/09/1994 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 3   | Lương Xuân   | Dũng   | 3671030530 | 03/08/1993 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 4   | Nguyễn Hữu   | Dụng   | 3671030533 | 25/11/1993 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 5   | Nguyễn Hoàng | Tân    | 3671030537 | 09/03/1994 |             | 5,00        | 5,00      | Nợ HP   |
| 6   | Nguyễn Minh  | Thành  | 3671030538 | 19/10/1993 |             | 6,80        | 6,80      |         |
| 7   | Đặng         | Thái   | 3671030540 | 15/08/1993 |             | 5,00        | 5,00      | Nợ HP   |
| 8   | Lê Công      | Tài    | 3671030541 | 24/11/1993 |             | 6,30        | 6,30      |         |
| 9   | Lê Nhật      | Long   | 3671030543 | 18/10/1994 |             | 5,50        | 5,50      | Nợ HP   |
| 10  | Hồ Văn       | Đức    | 3671030544 | 05/01/1994 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 11  | Nguyễn Thành | Mẫn    | 3671030546 | 26/11/1993 |             | 6,80        | 6,80      |         |
| 12  | Nguyễn Văn   | Tài    | 3671030551 | 18/09/1994 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 13  | Nguyễn Hữu   | Linh   | 3671030553 | 10/09/1994 |             | ,00         | ,00       | Nợ HP   |
| 14  | Nguyễn Bá    | Nhuận  | 3671030563 | 23/03/1994 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 15  | Chu Minh     | Đông   | 3671030569 | 19/05/1994 |             | 8,30        | 8,30      |         |
| 16  | Nguyễn       | Lâm    | 3671030576 | 02/05/1994 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 17  | Phạm Văn     | Bình   | 3671030591 | 23/02/1994 |             | 8,50        | 8,50      |         |
| 18  | Huỳnh Thanh  | Duy    | 3671030592 | 28/11/1993 |             | 8,00        | 8,00      |         |
| 19  | Trương Minh  | Cường  | 3671030593 | 24/01/1993 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 20  | Nguyễn Thành | Tùng   | 3671030596 | 27/11/1994 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 21  | Lý Văn       | Nguyên | 3671030600 | 20/10/1993 |             | 6,50        | 6,50      |         |
| 22  | Ngô Sỹ       | Hà     | 3671030605 | 27/12/1994 |             | 8,30        | 8,30      |         |
| 23  | Nguyễn Thế   | Vũ     | 3671030607 | 11/07/1994 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 24  | Nguyễn Đức   | Thiện  | 3671030618 | 29/01/1994 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 25  | Đinh Hữu     | Tài    | 3671030620 | 29/06/1994 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 26  | Lê Công      | Nhiều  | 3671030624 | 20/07/1992 |             | 6,50        | 6,50      | Nợ HP   |
| 27  | Trần Huỳnh   | Thái   | 3671030626 | 25/11/1994 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 28  | Dương Ngọc   | Thạch  | 3671030636 | 14/01/1993 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 29  | Nguyễn Văn   | Tuấn   | 3671030638 | 13/12/1994 |             | ,00         | ,00       | Nợ HP   |
| 30  | Bạch Như     | Khương | 3671030640 | 18/12/1992 |             | 8,30        | 8,30      |         |
| 31  | Nguyễn Xuân  | Thịnh  | 3671030648 | 20/06/1994 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 32  | Hồ Thanh     | Duy    | 3671030654 | 09/03/1994 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 33  | Võ Văn       | Quang  | 3671030662 | 01/01/1993 |             | ,00         | ,00       |         |
| 34  | Đoàn Thành   | Lợi    | 3671030664 | 22/05/1994 |             | 5,50        | 5,50      |         |
| 35  | Nguyễn Minh  | Dũng   | 3671030672 | 20/08/1990 |             | 7,00        | 7,00      |         |

| STT | Họ và tên         |       | MSSV       | Ngày sinh  | Điểm thi    |             | Điểm TKHP | Ghi chú |
|-----|-------------------|-------|------------|------------|-------------|-------------|-----------|---------|
|     |                   |       |            |            | Giữa học kỳ | Cuối học kỳ |           |         |
| 36  | Nguyễn Hữu        | Thái  | 3671030675 | 28/07/1994 |             | 7,80        | 7,80      |         |
| 37  | Nguyễn Văn        | Toàn  | 3671030677 | 06/02/1994 |             | 6,80        | 6,80      |         |
| 38  | Dương Thanh       | Xuân  | 3671030678 | 1979       |             | 6,80        | 6,80      |         |
| 39  | Ngô Văn           | Hòa   | 3671030681 | 07/02/1994 |             | 8,30        | 8,30      |         |
| 40  | Nguyễn Hoàng Đình | Kha   | 3671030685 | 10/06/1994 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 41  | Nguyễn Văn        | Quyết | 3671030688 | 03/12/1994 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 42  | Nguyễn Ngọc Duy   | Tâm   | 3671030693 | 28/12/1991 |             | 3,80        | 3,80      |         |
| 43  | Phan Nhật Đăng    | Khoa  | 3671030700 | 12/05/1994 |             | 5,00        | 5,00      |         |
| 44  | La Thành          | Vũ    | 3671030703 | 14/04/1994 |             | 7,80        | 7,80      |         |
| 45  | Bùi Lê            | Hùng  | 3671030706 | 30/03/1994 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 46  | Trần Phạm Minh    | Pha   | 3671030713 | 08/12/1994 |             | 7,00        | 7,00      |         |
| 47  | Lê Quang          | Hoàng | 3671030717 | 25/10/1993 |             | 8,30        | 8,30      | Nợ HP   |
| 48  | Nguyễn Xuân       | Thành | 3671030722 | 03/07/1994 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 49  | Nguyễn Thành      | Lộc   | 3671030739 | 05/02/1994 |             | 7,00        | 7,00      | Nợ HP   |
| 50  | Huỳnh Văn         | Trí   | 3671031921 | 20/06/1993 |             | 5,50        | 5,50      | Nợ HP   |
| 51  | Đoàn Tất          | Mạnh  | 3671031944 | 25/12/1993 |             | 6,50        | 6,50      |         |
| 52  | Phan Văn          | Vũ    | 3671031993 | 14/01/1994 |             | 7,50        | 7,50      |         |
| 53  | Lê Văn            | Cao   | 3671032036 | 04/04/1993 |             | 7,30        | 7,30      |         |
| 54  | Nguyễn Văn        | Hoàng | 3671032049 | 18/05/1994 |             | 8,50        | 8,50      |         |

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 06 năm 2013

Người lập bảng điểm  
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo  
(Họ tên và chữ ký)